

# THỬ BÀN VỀ TỪ “SAZ” (GAN) TRONG TIẾNG MÔNG

TRY TO STUDY FROM THE "LIVER" (SAZ) IN H'MONG LANGUAGE

NGUYỄN TRUNG KIÊN

(Đại học Tây Bắc)

**Abstract:** Language and culture have an intimate relationship with each other. Any language in it also contains certain cultural codes. Among the words denoting body parts in the language of H'Mong, we are interested in understanding the meaning of the "liver" (SAZ). This is not only the frequency, but it also appears to have much more profound symbolic meaning as well. The use of the word "liver-SAZ" for soul in H'Mong language is continuous basis for the taboo of this group of people.

**Keywords:** liver (SAZ); cultural; symbolic; spiritual; taboo.

## 1. Đặt vấn đề

Khi nói tới mối quan hệ của ngôn ngữ và văn hóa, các nhà nghiên cứu đều cho rằng chúng có mối quan hệ gắn bó hữu cơ với nhau. Văn hóa được thể hiện qua ngôn ngữ và bản thân ngôn ngữ cũng bao chứa, bảo tồn và phát triển các giá trị văn hóa. W. Humboldt (1767-1835), nhà triết học, nhà ngôn ngữ học người Đức đã quan niệm “*Ngôn ngữ là linh hồn của dân tộc và linh hồn của dân tộc được thể hiện qua ngôn ngữ*”. Đây là một quan niệm đúng đắn vì mỗi dân tộc trên thế giới khi sáng tạo ra ngôn ngữ của mình thì cũng là lúc những giá trị văn hóa được khai sinh. Cái dòng chảy của ngôn ngữ và văn hóa dường như được quyện hòa trên một hành trình để cùng phát triển. Nhìn vào bức tranh phong phú, đa dạng của ngôn ngữ thế giới nói chung và của ngôn ngữ các tộc người “hiện diện” trên lãnh thổ Việt Nam nói riêng chúng ta cũng phần nào hình dung ra được một vườn hoa văn hóa đa hương, đượm sắc. Với mong muốn được đóng góp một phần nhỏ bé vào việc “giải mã” mối quan hệ của văn hóa và ngôn ngữ, chúng tôi lựa chọn và tập trung tìm hiểu về cách dùng từ “saz” (gan) trong giao tiếp của người Mông.

## 2. Từ "saz" (gan) trong tiếng Mông

**2.1.** Ở Việt Nam, cộng đồng người Mông có số dân khoảng gần một triệu người. Khoảng 300 trăm về trước, trên hành trình thiên di có tính

“truyền thống”, một bộ phận người Mông đã đến sinh sống tại khu vực miền núi phía Bắc của Việt Nam. Họ nhập vào và trở thành một dân tộc thiểu số trên lãnh thổ Việt Nam [1]. Nhắc đến dân tộc Mông, từ xa xưa chúng ta biết đến họ là những cư dân nổi tiếng với các kĩ xảo trong việc chế tạo súng kíp, trong nghề rèn, nghề dệt lanh và cả những kinh nghiệm về canh tác lúa, ngô trên địa hình đồi dốc hay núi cao hiểm trở. Tuy nhiên sẽ vẫn là một thiếu sót lớn nếu như chúng ta không nhắc đến những điểm độc đáo trong văn hóa được thể hiện qua ngôn ngữ của cộng đồng dân tộc này.

Người Mông là một trong số ít các dân tộc thiểu số ở nước ta có tiếng nói và chữ viết riêng. Về tiếng nói, ngôn ngữ Mông được cấu thành từ 58 phụ âm đầu, 26 vần và 8 thanh điệu (dấu giọng) với những cách kết hợp vô cùng độc đáo. Hệ thống tiền âm mũi (*bh, hl, hm, mn, hmn, hn, hnh, mf, mfl, nd, nj, nkh, nkr, nr, nx, nt, nth, ny, nz,..*) có thể được xem là một đặc điểm hiếm thấy trong cách phát âm mà rất ít ngôn ngữ trên thế giới có được. Tiền âm mũi đã tạo nên tính đa thanh, sự uyển chuyển trong từng đơn vị lời nói trong khi giao tiếp nhưng chính nó cũng là một “trở ngại” không nhỏ đối với những người thuộc các dân tộc khác trong việc học và sử dụng tiếng Mông [3].

Về chữ viết, các truyện cổ của người Mông kể lại rằng, xa xưa người Mông cũng có chữ viết riêng của mình nhưng đã bị “bò ăn mất chữ” [3]. Bao nhiêu năm người Mông sống trong sự “u hoài” vì họ không còn chữ viết để ghi lại tiếng nói của mình. Đến năm 1961, khi Hội đồng Bộ trưởng nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam) thông qua “*Phương án chữ Mèo*” với chủ trương sử dụng hệ ký tự Latinh để ghi âm tiếng Mông. Đây được xem như một dấu mốc quan trọng đánh dấu sự ra đời của “chữ Mông mới” vì nó đã thỏa được sự khát khao, niềm mong đợi bấy lâu nay của cộng đồng dân tộc Mông. Và cũng có thể nói từ thời điểm đó, nhiều giá trị văn hóa có nguy cơ bị mai một bấy lâu nay bây giờ lại được “phục dựng” và bảo tồn bền vững cùng với thời gian.

Các phương diện ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp của tiếng Mông là những mảng đề tài lớn và hấp dẫn được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm tìm hiểu. Những kết quả thu được từ những thập niên 60, 70 của thế kỉ XX cũng như ngày nay đã giúp cho việc giảng dạy và học tập tiếng Mông đạt hiệu quả cao hơn. Ở phương diện từ vựng, cũng giống như tiếng Việt, tiếng Mông có đầy đủ các từ loại thuộc hai nhóm là thực từ và hư từ. Thực từ gồm có danh từ, đại từ, tính từ, số từ, động từ. Hư từ gồm có các phụ từ, quan hệ từ, tình thái từ. Từ “*saz*” mà bài viết này chúng tôi đề cập tới cố nhiên nằm trong nhóm thực từ và thuộc về tiểu loại danh từ. Theo tác giả Bùi Minh Toán, danh từ là những từ dùng để gọi tên sự vật (người, động vật, đồ vật, cây cối, các vật thể tự nhiên, các hiện tượng và cả các khái niệm trừu tượng thuộc phạm trù tinh thần) [4]. Với bất kì một ngôn ngữ nào thì có lẽ danh từ luôn luôn được xếp vào nhóm từ cơ bản. Tức là ngoài những ý nghĩa mang tính chất đặc trưng từ loại, danh từ còn thông qua các kết hợp để tạo nên những đơn vị ngôn ngữ lớn hơn, với những nét nghĩa mới. Cơ chế tạo nghĩa này không những phù hợp với nguyên tắc “tiết kiệm” của ngôn ngữ mà còn tạo ra được một số lượng lớn các từ cũng như ý nghĩa của từ.

2.2. Để thuận lợi cho việc tìm hiểu, chúng tôi bắt đầu bằng việc miêu tả cấu tạo ngữ pháp của từ “*saz*”. “*saz*” là một từ đơn được cấu tạo từ ba bộ phận là phụ âm “s” + nguyên âm “a” + thanh điệu “z” (*zuz*). Cấu tạo này được mô hình hóa như sau:

Phụ âm đầu	vần	thanh điệu
S	a	Z

Mô hình cấu tạo trên cũng giống như kiểu cấu tạo của hầu hết các từ đơn là các danh từ chỉ bộ phận cơ thể người như: *flu* (mặt), *njus* (mũi), *ndaux* (miệng), *têl* (tay), *cxang* (xương), *flour* (tim), ... Với ý nghĩa gọi tên một bộ phận trong cơ thể thì “*saz*” (*gan*) là một bộ phận thuộc bộ máy tiêu hóa có chức năng chính là tiết mật để tiêu hóa chất mỡ (*buồng gan, lá gan, viêm gan* ...) [2]. Đối với tiếng Việt, bộ phận *gan* trong cơ thể con người mang ý nghĩa biểu trưng cho ý chí, nghị lực của con người. Chúng ta thấy có các từ ghép như *to gan, non gan, nhất gan, gan lì* ... hay các thành ngữ như *có chí làm quan/ có gan làm giàu, bền gan quyết chí, gan chuột nhất, gan cóc tía, miệng hùm gan sứa, miệng cọp gan thỏ*... Nhiều trường hợp *gan* là biểu trưng cho trạng thái tâm lí như buồn bã hay tức giận. Đó là các trường hợp *nát gan nát ruột, bầm gan tím ruột*. Đôi khi lại là tâm lí mừng vui, phấn khởi như *nở ruột nở gan*... Từ “*saz*” (*gan*) trong tiếng Mông cũng mang đầy đủ những ý nghĩa biểu trưng như từ *gan* trong tiếng Việt: *saz lux* (*to gan*), *saz mir* (*nhất gan*), *truôx saz* (*bền chí*), *saz maol* (*non gan*), *saz nrur* (*nao núng*) ... Ngoài ra “*saz*” (*gan*) trong tiếng Mông còn biểu trưng cho nhiều nét nghĩa khác. Để minh chứng điều này, chúng tôi đã tiến hành khảo sát sự xuất hiện của từ “*saz*” trong cuốn “*Từ điển Mông – Việt*”, Nhà xuất bản Giáo dục, 2001 do tác giả Cư Hòa Văn chủ biên và thu được kết quả như sau:

Trong mục từ “*Saz*” có tổng số là 23 kết hợp theo kiểu *saz* + tính từ, chúng tôi tiến hành phân loại chúng thành các tiểu nhóm với các ý nghĩa biểu trưng khác nhau. cụ thể:

**Nhóm 1:** *Saz* được dùng để biểu trưng cho sự tốt/xấu về bản chất con người: *Saz jông* (tốt bụng), *saz đuz* (tâm địa tối tăm), *saz đuroz* (lòng

dạ trong trắng), *saz ntêr* (hiền hậu)... Lúc này *saz* thường được kết hợp với các tính từ chỉ tính chất, màu sắc như *jông* (tốt), *đuz* (đen), *đouz* (trắng)... Ví dụ *Nul zaos lênhx saz đouz tsi tâu uô hav lênhx tus hlao* (Anh ta là người lòng dạ trong trắng, chưa làm hại ai bao giờ); *Theix zaor zaos lênhx saz jông lênhx tus vangv trâus tuz tâu nul pãngz txus qov*. (Thầy giáo là người tốt bụng, ai nhờ thầy cũng giúp đỡ tận tình).

**Nhóm 2:** *Saz* được dùng để **biểu trưng cho tình cảm của con người**: *saz txal* (lòng dạ nguội lạnh), *Saz nhav* (bác ái), *saz yuô nhav yuô hênhr* (tình yêu nồng nàn), ... Chẳng hạn: *Huôv nar cur lê saz txal louv lak cur tsi xangr tul tsi hlao* (Bây giờ lòng tôi đã nguội lạnh, tôi không muốn gì cả).

**Nhóm 3:** *Saz* được dùng để **biểu trưng cho những trạng thái tâm lí của con người**: *saz phăng z* (hoang mang, sợ hãi), *saz nxur* (rối lòng), *saz nrur* (nao núng) ... Ví dụ: *Tsi saz phăng z thauk njiz cêr khur* (Không hoang mang khi gặp khó khăn) ...

**Nhóm 4:** *Saz* được dùng để **biểu trưng cho một số tính cách cụ thể nào đó của con người**: *saz chôngz* (lãng nhãng), *saz đăngr* (rộng lượng), *saz greiv* (hẹp hòi), *saz hluz* (tham lam), ... *Tul nxeik cao saz chôngz thêv thauk nzal tul hluôk nar, thauk nzal tul hluô u* (Cô gái đó tính hay lãng nhãng, lúc yêu anh này, lúc yêu anh nọ). *Nul zaos lênhx saz hluz tul tsi tuz xangr tâu ntâu đuo luôk* (Nó là đứa tham lam, cái gì cũng muốn mình được nhiều hơn người khác) ...

**Nhóm 5:** *Saz* được dùng để biểu trưng cho trí tuệ, sự nhận thức của con người. Chẳng hạn: *Saz gal* (thông minh), *saz njê* (tinh khôn), *saz uô truôs paoz pênhr* (hành động ngu xuẩn) ... Ví dụ: *Paor zaos tus saz njê uô tul tsi nul xangr ntêx kangz lê uô*. (Páo là người tinh khôn lắm làm việc gì cũng nghĩ trước nghĩ sau) ... Đây chính là điểm khác biệt cơ bản nhất về ý nghĩa biểu trưng của từ *saz (gan)* trong tiếng Mông so với tiếng Việt.

Khảo sát từ “*saz*” trong văn bản văn học, chúng tôi tìm đến cuốn sách *Dân ca Mèo* của tác giả Phan Thanh. Trong phần *Tiếng hát mỏ côi*,

*Tiếng hát làm dâu, Tiếng hát cúng ma* chúng tôi nhận thấy có sự xuất hiện khá “đậm đặc” của từ *saz (gan)* trong các câu hát của các nhân vật khi họ muốn tỏ bày tình cảm, tâm trạng, ý chí, tinh thần, nghị lực của mình. (Về sự xuất hiện của từ *saz* trong dân ca, chúng tôi xin được trình bày trong một bài viết khác). Ở đây chúng tôi chỉ xin một vài ví dụ kết quả sưu tầm của nhà nghiên cứu Phan Thanh (phản dịch ra tiếng Việt) để làm cơ sở cho việc tìm hiểu về việc dùng từ “*saz*” như một biểu tượng chung của tâm hồn người Mông.

*Càng nghĩ càng nát gan*

Càng suy càng đứt sức. [3;58]

- Bà mẹ chồng ông Sám niếc mắng nát gan

Con thà chịu làm vợ người Nhắng bán hàng giữa phố. [3;70]

Như vậy, nếu đem so sánh từ “*saz*” (*gan*) với các từ cùng trường nghĩa chỉ bộ phận bên trong cơ thể người như tim, phổi, mật, dạ, lòng... thì có một điều dễ nhận thấy là việc sử dụng từ *gan* có sự xuất hiện nhiều nhất, gần như là tuyệt đối. Dường như người Mông “ưa thích” và chỉ dùng một bộ phận duy nhất là “*saz*” (*gan*) để biểu trưng cho phần tình cảm và tinh thần của mình. “*saz*” (*gan*) trở thành một biểu tượng phổ biến nhất, gần gũi nhất và thân thuộc nhất của người Mông. Trong khi đó, với người Việt để biểu trưng cho thế giới nội tâm họ đã “mượn” đến rất nhiều bộ phận khác nhau như: *tim, gan, lòng, dạ, bụng* ... Nhiều ý nghĩa biểu trưng cũng được tạo thành từ những bộ phận này như: để biểu trưng cho ý chí dùng từ *gan*; biểu trưng cho tình cảm dùng từ *bụng, lòng*; biểu trưng cho trí tuệ dùng từ *dạ* và trong tiếng Việt hiện đại từ *tim* đã được dùng cho biểu trưng của tình yêu...

Đi tìm câu trả lời cho vấn đề này, một câu hỏi được người viết đặt ra là tại sao người Mông lại không nhắc đến bộ phận tim (*plour*) trong giao tiếp? (chúng tôi đưa ra từ *tim* vì theo cách tư duy thông thường thì tim trong mối tương quan với từ *gan* là hai bộ phận “gần gũi” với nhau nhất trong số các bộ phận bên trong cơ thể). Phải chăng có một “bí mật” nào đó đã tồn tại từ xa xưa? Lật tìm từ những trang truyện cổ dân gian,

chúng tôi nhận thấy người Mông có một **tục kiêng** còn tồn tại đến tận ngày nay (nhất là đối với dòng họ Giàng). Đó là việc người đàn ông người Mông không ăn tim của các loài động vật. Điều này được bắt nguồn từ một câu chuyện buồn (có người cho đó là một sự u mê trong nhận thức) rằng có một người đàn ông đã tự tay giết chết con trai của mình, lấy tim của đứa bé để “bù” vào quả tim lợn bị “thất lạc” trong chảo thức ăn khi ông ta giúp người anh trai làm cơm đãi khách. Đến khi mọi việc “vỡ lẽ” rằng quả tim lợn không bị “thất lạc” đi đâu cả mà nó chìm xuống đáy và lẫn vào các thứ khác của chảo thức ăn thì người đàn ông này đã vô cùng đốn đau, ân hận. Nỗi đau và cái tội của một người cha giết con để bảo vệ danh dự của bản thân, để giữ cho mình hai chữ *saz duoz* (trung thực) đã khiến cho cả cộng đồng người Mông xem tim của các con vật là nguyên nhân và luôn gọi nhắc lại chuyện đau buồn. Bởi vậy mà một luật tục “bắt thành văn” kiêng ăn tim và kiêng nhắc đến từ tim đã được hình thành.

Ngày nay, khi tiếp xúc với người dân tộc Mông hẳn là một ấn tượng chung mà ai ai cũng đều cảm nhận được về họ là một cộng đồng của những người nổi tiếng trung thực, thẳng thắn, hiếu khách, trọng chữ tín và ghét sự lọc lừa. Vì thế mà phải chăng hành động bị coi là “dại dột” và có phần “ác độc” của người đàn ông trong câu chuyện thuở xa xưa đã phần nào lí giải và đem đến cho chúng ta một suy nghĩ về phẩm chất của người Mông. Họ sẵn sàng đánh đổi mọi thứ để bảo vệ danh dự và giữ cho mình một tấm lòng trong sạch cho dù cuộc sống vật chất còn quá đổi gian nan.

Dưới góc nhìn của ngôn ngữ học, chúng ta nhận thấy cũng như hiện tượng *kị húy* (kiêng nói đến tên thật của thánh thần, vua chúa, người bề trên) của người Việt, việc “kiêng ăn tim” của người Mông đã “*hắt bóng*” vào đời sống sinh hoạt, đời sống tinh thần và thói quen sử dụng ngôn ngữ của dân tộc này. Từ “tim” chỉ có ý nghĩa đơn thuần là gọi tên một bộ phận trong hệ tuần hoàn của động vật mà không hề có thêm

bất kì một ý nghĩa biểu trưng nào. Trong khi đó từ “saz” (gan) thì ngược lại, ngoài ý nghĩa gọi tên một bộ phận của hệ tiêu hóa, bản thân nó còn được “gán” cho rất nhiều ý nghĩa biểu trưng. Nhiều đến mức mà có thể coi *tất cả những gì thuộc về thế giới tâm hồn, tình cảm, nhận thức của người Mông đều được gửi gắm vào “saz” và dùng “saz” (gan) để thể hiện* mà không phải bất cứ một hình ảnh nào khác.

### 3. Kết luận

Khi sử dụng một ngôn ngữ, có một vốn từ vựng phong phú cùng với việc nắm vững các quy tắc ngữ pháp thiết nghĩ đó là những điều kiện cần. Để đạt được hiệu quả cao trong giao tiếp và đặc biệt là để lời nói có sức thuyết phục, chúng ta còn cần có điều kiện đủ là hiểu được thói quen trong sử dụng ngôn ngữ cũng như những đặc trưng trong phong tục, tập quán của các cộng đồng người. Bàn về việc sử dụng từ “saz” trong giao tiếp của người Mông, chúng tôi mong muốn được đưa ra một số quan điểm để lí giải về một hiện tượng ngôn ngữ mà chúng tôi quan sát được. Chúng tôi thiết nghĩ rằng, trong cái đa dạng và vi tế của ngôn ngữ luôn luôn tồn tại những *mã văn hóa* (cultural codes) khác nhau. Khi hiểu về các mã văn hóa này sẽ giúp cho chúng ta thấy được những nét riêng và độc đáo của từng ngôn ngữ mà trường hợp tìm hiểu về từ “saz” trong tiếng Mông là một ví dụ. Chúng tôi xin được mạn phép được nêu ra đôi điều để cùng trao đổi cùng các đồng nghiệp.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn Hiệu (2013), *Dấu ấn Hán Quan thoại Tây Nam trong tiếng Mông hiện đại (Qua khảo sát tiếng Mông Lệnh ở Việt Nam)*, <http://laocai.gov.vn>.
2. Hoàng Phê (2005), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
3. Phan Thanh (1966), *Dân ca Mèo*, Nxb Văn học.
4. Bùi Minh Toán, Nguyễn Thị Lương (2010), *Ngữ Pháp tiếng Việt*, Nxb Đại học Sư phạm.
5. Cư Hòa Văn (2001) *Từ điển Mông - Việt*, Nxb Giáo Dục.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 17-01-2014)